

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K26 (K26A VÀ K26B)
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019

Môn thi: Khối kiến thức chung;

Thời gian làm bài: 180... phút

Ngày thi: Ngày 26 tháng 9 năm 2019;

Phòng thi số: 01

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
LỚP K26 A							
01	Hồ Huy Anh	20/12/1978	02		101	75	Bảy, năm
02	Y Nanh Ayün	30/07/1972	2		112	75	Bảy, hai năm
03	H' Đin BKrông	12/5/1986	02		121	75	Bảy, hai năm
04	Đỗ Phương Chi	20/5/1987	02		119	75	Bảy, năm
05	Lê Công Chức	10/3/1963	02		122	75	Bảy, hai năm
06	Bùi Mạnh Cường	09/3/1972	03		88	75	Bảy, năm
07	Bùi Thị Kiều Diễm	20/4/1979	03		113	75	Bảy, năm
08	Trịnh Thị Dung	1/12/1973	02		117	75	Bảy, hai năm
09	Vũ Văn Dũng	07/8/1983	02		105	75	Bảy, năm
10	Vũ Huy Dũng	16/03/1962	02		111	75	Bảy, hai năm
11	Nguyễn Đình Đại	02/01/1965	02		125	75	Bảy, năm
12	Bùi Quang Định	19/10/1982	02		104	75	Bảy, hai năm
13	Phạm Văn Hải	05/11/1972	02		96	70	Bảy
14	Lê Hữu Hải	07/4/1975	03		99	75	Bảy, hai năm
15	Nguyễn Tế Hanh	01/8/1979	02		118	75	Bảy, hai năm
16	Nguyễn Thị Hạnh	02/10/1973	02		92	75	Bảy, hai năm
17	Nguyễn Thị Hiền	30/4/1974	02		97	70	Bảy
18	Nguyễn Xuân Hiếu	29/10/1981	03		102	75	Bảy, năm
19	Võ Thị Cẩm Hoa	20/10/1977	03		94	75	Bảy, hai năm
20	Nguyễn Thị Xuân Hoa	01/4/1970	03		107	70	Bảy
21	Lê Xuân Hòa	20/02/1982	02		123	70	Bảy
22	Nguyễn Duy Hoàng	20/11/1986	03		115	75	Bảy, năm
	Hoàng Thị Hồng	10/05/1975	02		108	75	Bảy, năm

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
24	Dương Kim Hồng	02/9/1973	2		100	7.5	Bảy, năm
25	Nguyễn Duy Hưng	19/8/1980	03		98	7.25	Bảy, hai năm
26	Trương Quốc Khả	22/01/1974	03		87	7.75	Bảy, bảy năm
27	Nguyễn Văn Kiên	19/5/1981	03		89	7.25	Bảy, hai năm
28	Nguyễn Thị Thanh Lam	05/3/1973	03		93	7.5	Bảy, năm
29	Đinh Thị Liễu	10/10/1972	03		95	7.25	Bảy, hai năm
30	Tổng Thị Tố Loan	24/11/1983	03		109	7.75	Bảy, bảy năm
31	Trịnh Văn Minh	10/6/1964	02		106	7.5	Bảy, hai năm
32	Phan Thị Bích Mười	18/02/1978	02		120	7.5	Bảy, năm
33	Nguyễn Thị Hoa Mỹ	30/10/1976	02		86	7.25	Bảy, hai năm
34	Nguyễn Thị Kim Ngân	03/7/1978	02		110	7.25	Bảy, hai năm
35	Hoàng Minh Ngọc	03/11/1963	03		90	7.25	Bảy, hai năm
36	Hồ Duy Ngọc	08/7/1979	02		91	7.25	Bảy, hai năm
37	Đoàn Xuân Nguyên	08/08/1982	—		—	—	—
38	Võ Tú Nguyệt	03/6/1984	02		104	8.0	Tám
39	Phạm Trọng Nhân	15/10/1970	02		104	7.5	Bảy, năm
40	Nguyễn Văn Nhân	3/2/1972	02		103	7.75	Bảy, bảy năm
41	Hoàng Thị Nhật	23/6/1972	03		85	7.75	Bảy, bảy năm
42	Phạm Văn Nhường	16/02/1964 24/04/1964	02		116	7.25	Bảy, hai năm

Tổng số tờ: 98.. / 111.. Bài

GIÁM THỊ 1

Phạm Thị Phương Lan

Ngày 14 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM



ThS. Lê Đình Hoàn

GIÁM THỊ 2

Lê Hải Sơn

Ngày 11 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai
THƯ KÝ

Nguyễn Văn Cường

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K26 (K26A VÀ K26B)
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019

Môn thi: KHOA KIẾN THỨC T.....;

Thời gian làm bài: 180 phút

Ngày thi: Ngày 26 tháng 9 năm 2019 ;

Phòng thi số: 02

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
LỚP K26 A							
43	H Minh Niê	08/8/1976	02	<i>[Signature]</i>	50	65	Sáu năm
44	Võ Văn Phúc	26/3/1966	02	<i>[Signature]</i>	79	70	Bảy
45	Trần Hữu Phước	10/01/1979	02	<i>[Signature]</i>	80	72.5	Bảy, hai năm
46	Hoàng Thế Vũ Phương	27/8/1969	02	<i>[Signature]</i>	71	72.5	Bảy, hai năm
47	Nguyễn Thị Mai Phương	03/01/1972	02	<i>[Signature]</i>	81	70	Bảy
48	Hà Huy Hoàng Sơn	09/3/1977	02	<i>[Signature]</i>	64	75	Bảy, năm
49	Hồ Văn Tân	10/8/1983	02	<i>[Signature]</i>	78	72.5	Bảy, hai năm
50	Dương Kim Thạch	30/10/1971	02	<i>[Signature]</i>	74	70	Bảy
51	Đinh Đại Thắng	19/8/1973	03	<i>[Signature]</i>	72	75	Bảy, năm
52	Phù Đức Thành	02/6/1986	02	<i>[Signature]</i>	75	70	Bảy
53	Lê Thị Bảo Thi	28/4/1984	02	<i>[Signature]</i>	83	72.5	Bảy, hai năm
54	Nguyễn Xuân Thủy	01/9/1969	02	<i>[Signature]</i>	73	72.5	Bảy, hai năm
55	Phan Hữu Toàn	06/5/1981	02	<i>[Signature]</i>	62	72.5	Bảy, hai năm
56	Nguyễn Trường Trung	30/8/1977	02	<i>[Signature]</i>	68	72.5	Bảy, hai năm
57	Phan Đăng Trung	19/9/1976	02	<i>[Signature]</i>	70	70	Bảy
58	Trần Minh Trung	21/4/1973	02	<i>[Signature]</i>	65	70	Bảy
59	Đặng Quang Tùng	15/6/1985	02	<i>[Signature]</i>	66	70	Bảy
60	Hồ Thị Vân	09/06/1979	02	<i>[Signature]</i>	77	72.5	Bảy, hai năm
61	Phan Thị Tường Vân	01/01/1976	03	<i>[Signature]</i>	55	75	Bảy, năm
62	Trần Thị Vinh	23/10/1973	02	<i>[Signature]</i>	67	75	Bảy, năm
63	Võ Thanh Xuân	18/8/1978	02	<i>[Signature]</i>	76	70	Bảy

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
LỚP K26 B							
64	Đinh Tuấn Anh	21/6/1969	2		60	75	Bảy năm
65	Trịnh Ngọc Bình	10/4/1976	2		84	65	Sáu năm
66	Dương Trọng Chinh	06/3/1968	3		69	75	Bảy năm
67	Nguyễn Văn Công	03/11/1977	02		63	75	Bảy năm
68	Hoàng Văn Cường	19/05/1983	02		165	65	Sáu năm
69	Phạm Văn Đệ	18/02/1971	3		52	72.5	Bảy hai năm
70	Nông Doãn Du	04/4/1979	02		61	75	Bảy năm
71	Hà Văn Dũng	23/02/1971	02		82	70	Bảy
72	Nguyễn Tiến Dũng	30/11/1971	02		59	65	Sáu năm
73	Nguyễn Văn Dũng	09/4/1979	02		168	70	Bảy
74	Ngô Hoàng Hà	10/5/1981	03		53	72.5	Bảy hai năm
75	Nguyễn Hữu Hải	10/01/1977	02		166	72.5	Bảy hai năm
76	Nguyễn Thị Thanh Hằng	14/01/1979	02		51	70	Bảy
77	Phạm Thu Hằng	12/5/1985	03		164	70	Bảy
78	Hoàng Văn Hiệp	03/5/1970	02		58	67.5	Sáu bảy năm
79	Huỳnh Thị Hiếu	15/6/1985	02		47	72.5	Bảy hai năm
80	Phùng Văn Hiếu	12/3/1979	02		57	75	Bảy năm
81	Phạm Ngọc Hoàng	29/01/1983	03		49	67.5	Sáu bảy năm
82	Vi Thị Hội	25/02/1979	02		43	72.5	Bảy hai năm
83	Bùi Quốc Hùng	12/12/1973	2		52	67.5	Sáu bảy năm
84	Trần Mạnh Hùng	18/6/1976	02		56	70	Bảy

Tổng số tờ: 91 / ... Bài

GIÁM THỊ 1

Nguyễn Văn Cường

Ngày 16 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM



ThS. Lê Đình Hoàn

GIÁM THỊ 2

Đoàn Thị Mai
Ngày 16 tháng 10 năm 2019
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai
THƯ KÝ

Nguyễn Văn Cường

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K26 (K26A VÀ K26B)
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019

Môn thi: Khoá Kiến Thức Thứ I;

Thời gian làm bài: 180 phút

Ngày thi: Ngày 26 tháng 9 năm 2019;

Phòng thi số: 03

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
LỚP K26 B							
85	Dương Quang Hưng	04/04/1973	02		40	6,75	Sáu, bảy năm
86	Nguyễn Thị Hương	28/12/1975	02		27	7,25	Bảy, hai năm
87	Hà Ngọc Hường	11/10/1978	02		41	6,75	Sáu, bảy năm
88	Hoàng Công Huy	17/02/1977	02		34	7,25	Bảy, hai năm
89	Nguyễn Sỹ Huy	11/10/1972	03		15	7,25	Bảy, hai năm
90	H Yim Niê Kdăm	11/07/1968	02		35	7,5	Bảy, năm
91	Y Luom Knul	24/4/1969	03		2	7,25	Bảy, hai năm
92	Hồ Thị Tuyết Lan	17/5/1974	03		10	7,5	Bảy, năm
93	Sáo Kim Lào	03/09/1989	02		3	7,25	Bảy, hai năm
94	Lâm Vĩnh Lợi	29/04/1966	02		37	7,5	Bảy, năm
95	Nguyễn Duy Lợi	30/8/1968	02		33	7,25	Bảy, hai năm
96	Phạm Thị Ly	01/4/1974	02		39	7,5	Bảy, năm
97	Huỳnh Tấn Minh	20/3/1970	02		6	7,0	Bảy
98	Nguyễn Văn Nam	07/7/1984	02		18	7,25	Bảy, hai năm
99	Võ Thị Ánh Nga	06/08/1971	02		8	7,0	Bảy
100	Lê Văn Ngân	28/8/1964	02		29	7,5	Bảy, năm
101	Bùi Thị Ngu	06/3/1973	02		4	7,75	Bảy, bảy năm
102	Vũ Thị Thanh Nhân	09/04/1975	02		16	7,25	Bảy, hai năm
103	Vũ Thị Nhung	03/12/1972	02		1	7,25	Bảy, hai năm
104	Y Drao Niê	05/9/1972	02		24	7,5	Bảy, năm
105	Y Won Niê	25/12/1980	03		31	7,25	Bảy, hai năm
106	Trương Bá Phi	11/12/1965	02		21	7,25	Bảy, hai năm
107	Niê Thanh Phương	06/9/1985	03		32	7,5	Bảy, năm

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
108	Bùi Văn Quảng	13/03/1968	03		5	7.25	ba, hai năm
109	Hồ Sĩ Quý	06/02/1974	02		28	7.5	ba, năm
110	Phan Công Quyên	01/5/1979	03		42	7.25	ba, hai năm
111	Trần Điệp Sơn	15/9/1982	02		26	7.25	ba, hai năm
112	Lê Xuân Tân	16/10/1969	02		36	7.0	ba
113	Phạm Văn Thanh	31/5/1967	03		19	7.25	ba, hai năm
114	Nguyễn Thị Hương Thảo	06/5/1981	03		41	7.75	ba, hai năm
115	Nguyễn Thị Thu	02/02/1976	02		23	7.25	ba, hai năm
116	Nguyễn Thị Thanh Thủy	13/12/1981	02		13	7.25	ba, hai năm
117	Hoàng Bá Tôn	10/02/1983	02		20	7.25	ba, hai năm
118	Đỗ Đình Trọng	18/02/1984	02		11	7.25	ba, hai năm
119	Phan Duy Trung	15/10/1982	02		22	7.25	ba, hai năm
120	Lê Quang Trường	01/02/1974	03		38	7.5	ba, năm
121	Nguyễn Thanh Tú	20/7/1984	03		12	7.25	ba, hai năm
122	Kiều Thanh Tuấn	19/6/1979	02		9	7.25	ba, hai năm
123	Nguyễn Chon Uy	05/02/1965	02		25	7.0	ba
124	Nguyễn Văn Uýt	20/12/1973	02		17	7.25	ba, hai năm
125	Trần Thị Vân	10/7/1982	03		30	7.5	ba, năm
126	Trần Quốc Việt	09/9/1975	03		7	7.0	ba

Tổng số tờ: 97 / 42 Bài

GIÁM THỊ 1

Lê Thị Châu

Ngày 11 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM



ThS. Lê Đình Hoàn

GIÁM THỊ 2

Đào Lan Nguyệt

Ngày 11 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai
THƯ KÝ

Nguyễn Văn Sỹ